TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 207/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Đ, sinh năm: 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2 đường L, Phường M, thành phố MT, tỉnh TG; chỗ ở và nơi làm việc: Nhà hát P, số N đường CH, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh

Và chị K, sinh năm: 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2 đường L, Phường A, thành phố MT, tỉnh TG; chỗ ở: Nhà công vụ TC, số B đường Q, Phường Y, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị K chung sống với nhau từ năm 2015 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện PB, tỉnh TN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, Quyển số: 01/2014/2015 cấp ngày 09 tháng 4 năm 2015 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị K là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo anh Đ và chị K thì sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống vợ chồng khá hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019, kể từ thời điểm đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay cả hai nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ và chị K đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh Đ và chị K.

[2] Về nuôi con chung: Anh Đ và chị K có 01 con chung D, sinh ngày: 07/10/2015. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ (Năm triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu D thành niên (đủ 18 tuổi), việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mồng 10 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/4/2023. Xét thấy thời điểm hiện tại, cháu D đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của cháu. Tại Bản tự khai ngày 08/3/2023, cháu D trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần phải tôn trọng nguyện vọng của cháu. Như vậy, nhận thấy hai bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con nên Tòa án công nhận thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu anh Đ có đủ căn cứ cho rằng chị K không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Đ và chị K xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, anh Đ và chị K mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Đ và chị K thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung D, sinh ngày: 07/10/2015 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Đ có nghĩa vụ đóng góp nuôi con với chị K là 5.000.000đ (Năm triệu) đồng/01 tháng cho đến khi cháu D thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mồng 10 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/4/2023.

Anh Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Đ và chị K xác nhận không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng, anh Đ và chị K mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng anh Đ và Liễu đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2022/0008872 ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Đ và chị K đã nộp đủ lệ phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- UBND xã N1, huyện PB, tỉnh TN(Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số: 01/2014/2015 ngày 09/4/2015);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính